

Bản án số: 282/2018/HS-PT

Ngày: 12/7/2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Thanh Nguyễn.

2. Ông Vũ Văn Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 237/2018/HSPT ngày 12/6/2018 đối với bị cáo Trần Lưu K do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 75/2018/HSST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Lưu K; giới tính: nam; sinh năm 1990; tại Đồng Nai; thường trú: ấp Trung H, xã X, huyện Xuân L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L và bà Trần Thị Như L; Vợ, con: chưa có.

- Tiền sự: Không;

- Tiền án: Ngày 28/4/2015, bị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử tuyên phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” tại bản án số 43/2015/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/10/2015.

- Nhân thân: Ngày 31/7/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt bị cáo 01 (một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 15/5/2017. Chấp hành án tại Trại giam Thạch Hòa - Tổng cục 8 - Bộ Công an.

- Hiện đang tạm giam theo Lệnh trích xuất của cơ quan Thi hành án hình sự Bộ Công an (Tổng cục 8) tại Trại tạm giam Chí Hòa (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Lưu K và anh Đoàn Xuân T cùng là nhân viên bãi giữ xe tại bãi xe Bệnh viện Nhi Đồng 2 - số 33 Nguyễn Du, phường Bến Nghé, Quận 1. Do không có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ nên Trần Lưu K nảy sinh ý định chiếm đoạt xe gắn máy biển số 73N6 - 2733 của anh Đoàn Xuân Tân để bán tiêu xài cá nhân.

Vào khoảng 17h00' ngày 28/4/2017, K giả vờ mượn xe của anh Tân để đi công việc, anh Tân tưởng thật nên giao xe cho K mượn. Ngay sau khi lấy được xe K mang đến cửa hàng mua bán xe Hùng số 453B đường Song Hành, xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức bán cho anh Nguyễn Quang Ân (là nhân viên cửa hàng) với giá 2.800.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong, anh Ân điện thoại báo cho anh Phạm Văn Hùng chủ cửa hàng biết và anh Hùng cho người cầm 2.800.000 đồng đến đưa cho anh Ân để giao cho K.

Đối với anh Đoàn Xuân T, sau khi bị lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe gắn máy đã đến Công an phường Bến Nghé, Quận 1 trình báo.

Sau khi chiếm đoạt xe của anh Tân bán lấy tiền tiêu xài, Trần Lưu K đi lang thang đến địa bàn tỉnh Long An và tiếp tục thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” nên bị bắt giữ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 75/2018/HSST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố bị cáo Trần Lưu K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 50 và khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Lưu K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; Tổng hợp hình phạt của bản án 43/2017/HSST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/5/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/5/2018, bị cáo Trần Lưu K có đơn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 75/2018/HSST của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xin xem xét giảm nhẹ hình phạt vì gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Lưu K giữ nguyên kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt vì gia đình có hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ già yếu không ai chăm sóc.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ phạm tội và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cũng như

các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đã kết luận đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Lưu K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có cơ sở pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo trong thời gian luật định và hợp lệ nên cần được xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo K xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới, mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo Trần Lưu K là phù hợp. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận bổ sung, chỉ nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện chăm sóc cha, mẹ già và trở thành người công dân tốt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Lưu K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm, phù hợp với bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: biên bản vụ việc, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của người bị hại, bản kết luận giám định cùng các biên bản về hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra.

Đã có đủ cơ sở để kết luận: Do làm cùng với anh Đoàn Xuân T tại bãi giữ xe Bệnh viện Nhi Đồng 2, muốn có tiền tiêu xài và trả nợ nên vào khoảng 17h00’ ngày 28/4/2017, bị cáo Trần Lưu K đã lợi dụng sự quen biết với anh Tân, bằng thủ đoạn nói dối mượn xe đi công chuyện làm anh Tân tin tưởng giao tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe gắn máy hiệu Wayec biển số 73N6-2733 (có trị giá 1.717.000 đồng) của anh Tân mang bán lấy tiền tiêu xài, rồi bỏ trốn.

Xét, mặc dù tài sản bị cáo Trần Lưu K chiếm đoạt có trị giá dưới 2.000.000 đồng nhưng về nhân thân bị cáo K đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, đây là tình tiết định tội đối với bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo K là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng với động cơ vụ lợi bất chính vẫn cố ý phạm tội.

Với trị giá tài sản chiếm đoạt và hành vi của bị cáo nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố và xét xử bị cáo Trần Lưu K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/5/2018, bị cáo K có đơn kháng cáo là làm trong thời hạn luật định và hợp lệ.

Xét, về nội dung kháng cáo: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định về các tình tiết: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Bản thân bị cáo K từng bị Tòa án xét xử về tội chiếm đoạt tài sản, đã được giáo dục, răn đe nhưng vẫn không chịu sửa chữa để trở thành người có ích cho xã hội. Muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động lại lao vào con đường phạm tội, sau khi phạm tội trong vụ án này lại sống lang thang và tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản tại địa bàn tỉnh Long An; thể hiện thái độ xem thường pháp luật.

Xét tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo, thì mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Trần Lưu K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù là thỏa đáng, mới đủ tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo K nói riêng và công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

Ngoài ra, sau khi phạm tội trong vụ án này, bị cáo K còn phạm tội và đã bị xét xử bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Hiện đang phải chấp hành hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An; nên cần tổng hợp hình phạt chung theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 50 và Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo K xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gì mới theo quy định của pháp luật để được xem xét; nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Lưu K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Lưu K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 139, điểm p Khoản 1 Điều 46, điểm a Khoản 1 Điều 50 và Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo Trần Lưu K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 15/5/2017.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 1 (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Sở Tư pháp (1)
- THA Quận 1 (2)
- TAND Quận 1 (2)
- Công an Quận 1 (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (26) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh